

Số: /KL-SYT

Kon Tum, ngày tháng 12 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Trách nhiệm phòng, chống tham nhũng;
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của
Thủ trưởng đơn vị tại Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-TTCP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra;

Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-SYT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế về việc thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị tại Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 28/12/2021 của Trưởng đoàn thanh tra về việc thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị tại Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Tu Mơ Rông,

Giám đốc Sở Y tế Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TTYT huyện Tu Mơ Rông

1. Chức năng:

TTYT huyện Tu Mơ Rông được thành lập năm 2005 tại Quyết định số 52/2005/QĐ-UB ngày 19/09/2005 của UBND tỉnh Kon Tum; được kiện toàn lại tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại TTYT huyện Tu Mơ Rông trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

TTYT Tu Mơ Rông là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, tuyến trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Tu Mơ Rông theo quy định của pháp luật.

TTYT huyện Tu Mơ Rông có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; dân số - kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TTYT huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Mục II Phần 2 Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công, phân cấp.

II. Cơ cấu tổ chức, nhân lực của TTYT huyện Tu Mơ Rông

1. Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo TTYT huyện hiện nay, gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Có 05 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính; phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ; phòng Tài chính - Kế toán; phòng Điều dưỡng; phòng Dân số.
- Có 09 khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng; khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu; khoa Liên chuyên khoa (Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng); khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm; khoa Ngoại Tổng hợp - Chăm sóc sức khỏe sinh sản; khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng; khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế; khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.
- Có 11 đơn vị y tế trực thuộc: Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông; Trạm Y tế các xã: Tu Mơ Rông, Văn Xuân, Ngọc Yêu, Ngọc Lây, Tê Xăng, Măng Ri, Đăk Hà, Đăk Tờ Kan, Đăk Sao và Trạm Y tế xã Đăk Na.

2. Nhân lực:

- Tổng số người làm việc hiện có là 153 người, trong đó: Số đã tuyển dụng là 142 viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP là 07 người, hợp đồng lao động 04 người.
- Cơ cấu trình độ chuyên môn: Sau đại học 06 người (*Bác sỹ CKII 01, Bác sỹ CKI 03, Thạc sỹ Y tế công cộng 01, Thạc sỹ Kế toán 01*); Đại học 40 người (*Bác sỹ Đa khoa 21, Bác sỹ Y học dự phòng 03, Điều dưỡng 05, Nữ hộ sinh 03, Dược sỹ 02, Kế toán 03, Công nghệ thông tin 01, khác 02*); Cao đẳng 53 người (*Điều dưỡng 13, Nữ hộ sinh 09, Dược sỹ 22, Kỹ thuật viên xét nghiệm 04, Công tác xã hội 01, khác 04*); Trung cấp 49 người (*Y sỹ Đa khoa 25, Điều dưỡng 17, Nữ hộ sinh 01, Dược sỹ 01, Kỹ thuật viên hình ảnh y học 02, Lương y 01, Kế toán trung cấp 01, khác 01*); trình độ sơ cấp và khác 05 người (*gồm có: Hộ lý, lái xe*).

III. Tình hình thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch năm 2020

Trong năm 2020, đơn vị đã tham mưu và thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh những chỉ tiêu kế hoạch đã đạt được trong năm 2020, đơn vị vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

1. Công tác Y tế dự phòng: Tỷ lệ bệnh không lây nhiễm được quản lý, điều trị còn thấp; các hoạt động phòng, chống chưa triển khai quyết liệt. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đã giảm đáng kể nhưng tại một số vùng vẫn còn ở mức cao.

2. Chất lượng bệnh viện:

Chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện còn nhiều hạn chế về chuyên môn, còn thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, tiêu chí mức 1 còn nhiều. Việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật trong khám, chữa bệnh còn gặp nhiều khó khăn do thiếu về nhân lực và trang thiết bị; công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, phục hồi chức năng tại xã còn hạn chế, một số kỹ thuật đã đề nghị phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện được, như các kỹ thuật ngoại khoa.

Đã có bác sỹ có chứng chỉ dinh dưỡng; tuy nhiên, công tác tổ chức hoạt động dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện chưa triển khai đạt theo yêu cầu theo quy định tại Thông tư 18/2020/TT-BYT. Hoạt động nghiên cứu khoa học có triển khai nhưng chưa đạt hiệu quả cao. Chưa thực hiện được ngoại kiểm về chất lượng xét nghiệm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và công tác thanh tra của Thủ trưởng đơn vị:

Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 45/KH-YTTMR ngày 04/02/2020 về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 của TTYT huyện Tu Mơ Rông; Kế hoạch số 213/KH-YTTMR ngày 03/6/2020 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 1949/KH-SYT ngày 27/5/2020 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về thực hiện Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch số 46/KH-YTTMR ngày 05/02/2020 về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của TTYT huyện Tu Mơ Rông năm 2020.

Có các báo cáo: Báo cáo số 39/BC-YTTR ngày 29/01/2020 về kết quả triển khai các giải pháp thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tham nhũng; quy định về tặng quà, nhận quà tặng theo yêu cầu của Sở Y tế tại Công văn số 210/SYT-TTrS ngày 21/01/2020; Báo cáo số 23/BC-YTTMR ngày 17/02/2021 về kết quả thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và quy định tặng quà, nhận quà tặng Tết Tân Sửu năm 2021.

Tồn tại, hạn chế: Năm 2020, đơn vị chưa xây dựng kế hoạch chuyên đổi vị trí công tác đối với viên chức tại đơn vị.

2. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng:

Đơn vị đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 70/KH-YTTMR ngày 13/02/2020 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020 của TTYT huyện Tu Mơ Rông; Kế hoạch số 265/KH-YTTMR ngày 22/7/2020 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quý III năm 2020; Kế hoạch số 319/KH-YTTMR ngày 23/9/2021 về việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại TTYT huyện Tu Mơ Rông; Kế hoạch số 343/KH-YTTMR ngày 13/10/2020 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quý IV năm 2020.

Về công tác báo cáo, đơn vị có các báo cáo: Báo cáo số 256/BC-YTTMR ngày 09/6/2020 về báo cáo số liệu thống kê tình hình tổ chức và hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số 474/BC-YTTMR ngày

29/9/2020 về cung cấp số liệu kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Báo cáo số 479/BC-YTTMR ngày 02/10/2020 về báo cáo kết quả triển khai Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại TTYT huyện Tu Mơ Rông; Báo cáo số 573/BC-YTTMR ngày 10/11/2020 về báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục năm 2020 tại TTYT huyện Tu Mơ Rông.

3. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

Đơn vị đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 03/KH-YTTMR ngày 06/01/2020 về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại TTYT huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 03/QĐ-YTTMR ngày 08/01/2020 về việc giao nhiệm vụ tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại TTYT huyện Tu Mơ Rông; Thông báo số 01/TB-YTTMR ngày 08/01/2020 về lịch tiếp công dân định kỳ của TTYT huyện Tu Mơ Rông năm 2020; Báo cáo số 97/BC-YTTMR ngày 16/03/2020 về rà soát, đánh giá công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo Kế hoạch số 37/KH-BDN ngày 17/02/2020 của Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Công văn số 767/BC-YTTMR ngày 09/12/2020 về việc tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phục vụ Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Có bố trí địa điểm tiếp công dân tại phòng tiếp công dân của TTYT huyện Tu Mơ Rông; địa chỉ: Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

4. Tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng:

Đơn vị đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-TMR ngày 22/01/2020 về việc thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm năm 2020 của TTYT huyện Tu Mơ Rông; có báo cáo số 01/BC-TTND ngày 22/12/2020 về công tác thanh tra nhân dân năm 2020; phương hướng nhiệm vụ 2021 TTYT huyện Tu Mơ Rông.

5. Việc thực hiện Quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị viên chức:

Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 350/KH-YTTMR ngày 18/12/2019 về tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động TTYT huyện Tu Mơ Rông năm 2020 (*Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động được tổ chức vào ngày 26/12/2019; có hồ sơ Hội nghị lưu tại phòng Tổ chức - Hành chính*); đơn vị đã ban hành Quy chế dân chủ ở cơ quan theo Quyết định số 01/QC-YTTMR ngày 26/12/2019.

Thực hiện nghiêm túc hội nghị công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Việc triển khai thực hiện phòng, chống tham nhũng trong việc kê khai, công khai tài sản thu nhập:

Đơn vị đã ban hành các văn bản: Công văn số 93/YTTMR-TCHC ngày 08/02/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020; Quyết định số 44/QĐ-YTTMR ngày 19/02/2021 của Giám đốc TTYT huyện Tu Mơ Rông về việc phê duyệt danh sách viên chức có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020; báo

cáo kết quả thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 tại Báo cáo số 86/BC-YTTMR ngày 19/02/2021; Báo cáo số 143/BC-YTTMR ngày 02/4/2021.

Thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ (*có Biên bản về việc công khai niêm yết bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020*). Lưu hồ sơ (*bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai*) tại phòng Tổ chức - Hành chính.

7. Công tác báo cáo đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Đơn vị có báo cáo đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Báo cáo số 38/BC-YTTMR ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, kết quả thực hiện về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn hạn chế (*theo báo cáo, số liệu kết quả thực hành tiết kiệm trong năm báo cáo: Không*).

II. Kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và thực hiện dự toán thu, chi

Tại thời điểm Đoàn thanh tra làm việc tại TTYT huyện Tu Mơ Rông, có một số viên chức có liên quan đang trong thời gian cách ly do dịch bệnh COVID-19 (*thủ kho, thủ quỹ*) và hiện tại trên địa bàn có ca F0 trong cộng đồng. Để đảm bảo công tác phòng chống dịch COVID-19, các thành viên Đoàn thanh tra làm việc tại TTYT huyện (*kiểm tra số liệu tổng hợp dự toán thu chi; xác định số chênh lệch thu, chi trong năm; việc thu nhập tăng thêm; tình hình trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ; kiểm tra công tác mua sắm, sửa chữa tài sản công; quản lý sử dụng tài sản công*), chỉ kiểm tra trên hồ sơ báo cáo quyết toán, sổ sách kế toán và hồ sơ mua sắm, đầu tư sửa chữa tài sản công do kế toán đơn vị cung cấp; không kiểm tra thực tế tại các khoa, phòng, Phòng khám Đa khoa khu vực và Trạm Y tế các xã.

1. Về xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ được đơn vị xây dựng và ban hành tại Quyết định số 366/QĐ-YTTMR ngày 30/12/2019 của Giám đốc TTYT huyện Tu Mơ Rông.

Tồn tại, hạn chế: Tại điểm 5.20, khoản 5, Điều 7 về chi đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đơn vị thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính là không phù hợp vì Thông tư số 139/2010/TT-BTC hết hiệu lực từ ngày 15/6/2018 và được thay thế bằng Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và thực hiện dự toán thu, chi

2.1. Việc thực hiện một số nội dung chi thường xuyên:

Qua kiểm tra hồ sơ mua sắm năm 2020, một số hồ sơ còn thiếu một số chứng từ sau: Giấy đề xuất; Kế hoạch mua sắm; Phiếu nhập, xuất kho; Chứng từ số 41/CK-NCT ngày 21/4/2020 (*In sổ khám SK NCT, tờ rơi*) Hợp đồng kinh tế không nêu quy cách hàng hóa, chất liệu giấy của tờ rơi.

2.2. Về việc mua, quản lý, sử dụng thuốc:

Việc mua thuốc trong năm 2020, đơn vị chủ yếu thực hiện mua theo kết quả đấu thầu tập trung. Việc sử dụng và thanh toán thuốc trong năm chủ yếu là đối tượng bảo hiểm y tế và hàng quý đã được BHXH thẩm tra và thanh toán theo hợp đồng.

Đối với nội dung này, Đoàn thanh tra không kiểm tra chi tiết mà chỉ tổng hợp số liệu theo báo cáo của đơn vị, cụ thể như sau:

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN THUỐC NĂM 2020

TT	Tháng	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
01	01	1.768.497.221	-	264.639.233	1.503.857.988
02	02	1.503.857.988	693.960.144	277.437.798	1.920.380.334
03	03	1.920.380.334	129.962.530	260.346.937	1.789.995.927
04	04	1.789.995.927	297.753.540	213.601.565	1.874.147.901
05	05	1.874.147.901	264.590.488	255.529.557	1.883.208.832
06	06	1.883.208.832	141.369.560	318.391.847	1.706.186.545
07	07	1.706.186.545	294.243.228	330.240.494	1.670.189.279
08	08	1.670.189.279	36.839.994	254.346.481	1.452.682.793
09	09	1.452.682.793	149.830.750	237.693.661	1.364.819.881
10	10	1.364.819.881	263.521.700	253.786.806	1.374.554.776
11	11	1.374.554.776	333.328.540	234.314.254	1.473.569.062
12	12	1.473.569.062	432.899.650	290.049.003	1.616.419.709
Cộng		1.768.497.221	3.038.300.124	3.190.377.636	1.616.419.709

2.3. Về tình hình mua vật tư y tế, hóa chất:

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN VTYT NĂM 2020

TT	Tháng	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
01	01	290.474.120	-	22.909.478	267.564.642
02	02	267.564.642	12.449.000	27.600.381	252.413.261
03	03	252.413.261	7.500.000	27.707.102	232.206.159
04	04	232.206.159	66.468.050	18.956.313	279.717.896
05	05	279.717.896	4.130.000	29.148.875	254.699.020
06	06	254.699.020	20.672.500	26.920.237	248.451.284
07	07	248.451.284	23.880.000	26.287.833	246.043.451
08	08	246.043.451	3.930.000	26.445.401	223.528.050
09	09	223.528.050	280.000	25.748.893	198.059.157

TT	Tháng	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
10	10	198.059.157	43.948.000	24.392.407	217.614.750
11	11	217.614.750	8.290.000	24.638.048	201.266.702
12	12	201.266.702	-	26.867.998	174.398.704
Cộng		290.474.120	191.547.550	307.622.966	174.398.704

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN HOÁ CHẤT NĂM 2020

TT	Tháng	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
01	01	43.042.659	-	8.545.160	34.497.499
02	02	34.497.499	5.000.012	6.027.830	33.469.681
03	03	33.469.681	10.775.000	4.821.706	39.422.975
04	04	39.422.975	11.760.001	3.712.974	47.470.003
05	05	47.470.003	-	12.583.296	34.886.707
06	06	34.886.707	12.200.000	6.491.380	40.595.326
07	07	40.595.326	9.000.000	3.605.042	45.990.284
08	08	45.990.284	-	7.364.551	38.625.733
09	09	38.625.733	9.993.002	7.534.665	41.084.069
10	10	41.084.069	20.438.000	4.866.338	56.655.731
11	11	56.655.731	2.908.000	8.999.301	50.564.430
12	12	50.564.430	-	6.900.451	43.663.979
Cộng		43.042.659	82.074.014	81.452.694	43.663.979

Trong năm, đơn vị tổ chức nhiều gói thầu mua sắm nhưng chỉ gửi xin thông tin giá của 3 nhà cung cấp ngoài tỉnh; trong khi đó, tại Kon Tum cũng có doanh nghiệp cung ứng mặt hàng này nhưng đơn vị không lấy thông tin giá.

Việc này không đúng với quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; cụ thể:

“2. Giá gói thầu.

Khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

a) Giá hàng hóa cần mua của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trong trường hợp không đủ 3 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác đảm bảo đủ 3 báo giá”.

Trong số 03 công ty mà đơn vị gửi lấy thông tin giá, trong đó có Công ty TNHH Thiết bị y tế MEGA Đà Nẵng, ngành nghề kinh doanh trong bản Công bố nội dung đăng ký thành lập mới, tại Mục 5 (ngành, nghề kinh doanh) không có bán buôn, bán lẻ vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm. Việc này đã làm giảm đi các thông tin hợp pháp để đơn vị có thể lựa chọn được đơn vị được phép kinh doanh các mặt hàng cần mua, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và có giá thấp nhất.

2.4. Về việc mua sắm trang thiết bị làm việc, công cụ, dụng cụ và các hàng hóa khác:

Kiểm tra một số hồ sơ, chứng từ liên quan, việc mua sắm của đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế; cụ thể như sau:

- Chứng từ số C044/BHYT ngày 22/6/2020, trả tiền mua máy vi tính, mực máy in = 32,5 triệu đồng (02 bộ máy vi tính; 06 cụm mực in canon 2900; 02 cụm mực in 30A): Phiếu yêu cầu báo giá; quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu không có nêu cấu hình, thông số kỹ thuật của 02 bộ máy vi tính.

- Chứng từ số 357/CK ngày 25/01/2021, trả tiền in ấn hồ sơ bệnh án = 80,474 triệu đồng:

+ Hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại giấy in khác nhau và có giá chênh lệch rất lớn, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ của đơn vị đều không có nêu chất lượng, quy cách giấy dùng để in (kế hoạch in, phiếu yêu cầu báo giá, dự toán, ..., hợp đồng, nghiệm thu), điều này là sự thiếu sót quan trọng, vì có thể gây bất lợi cho đơn vị trong việc thực hiện hợp đồng mua sắm này.

+ Chứng từ nhập kho ghi ngày 07/12/2020 và cùng trong ngày 07/12/2020, đơn vị xuất kho toàn bộ số hàng này cho một cá nhân nhận là không hợp lý; thiếu danh sách ký nhận của một số khoa, phòng. Đề nghị đơn vị bổ sung danh sách ký nhận của các khoa, phòng, bộ phận.

- Chuyên tiền mua sữa bồi dưỡng bằng hiện vật: Quy định về bồi dưỡng bằng hiện vật phải được thực hiện hàng ngày đối với những người làm việc trong môi trường độc hại; tuy nhiên, việc mua sữa của đơn vị không đúng về thời gian.

+ Chứng từ số 77/CK chuyển tiền mua sữa quý I/2020 = 19,875 triệu đồng: Ngày 10/6/2020 mới dự trù và gửi lấy báo giá, chọn giá, ký hợp đồng và ngày 19/6/2020 mới xuất sữa, nhưng danh sách ký nhận sữa lại là các ngày trong tháng 01, 02, 03/2020?

+ Chứng từ số 212/CK = 19,130 triệu đồng: Ngày 10/9/2020 mới mua sữa, nhưng danh sách ký nhận lại các tháng trong quý II?

+ Chứng từ số 219/BHYT = 19,205 triệu đồng: Ngày 09/11/2020 mới mua sữa, nhưng danh sách ký nhận lại các tháng trong quý III?

+ Chứng từ số 337/CK = 17,9 triệu đồng: Ngày 31/12/2020 mới mua sữa, nhưng danh sách ký nhận lại các tháng trong quý IV?

- Chứng từ số 48/CK ngày 28/5/2020, chuyển tiền mua thùng đựng hồ sơ tài liệu = 16 triệu đồng: Toàn bộ hồ sơ mua 20 thùng này đều không có thể hiện về chất liệu, quy cách. Loại vật liệu khác nhau thì giá khác nhau; quy cách khác nhau thì giá khác nhau và là cơ sở để xác định giá, hợp đồng và nghiệm thu hàng hóa.

- Chứng từ số 51/CK ngày 28/5/2020, chuyển tiền mua đồ điện dự phòng 6 tháng đầu năm = 8,425 triệu đồng:

+ Chỉ có dự trù của cán bộ điện, nước, không có dự trù, đề xuất của các khoa, phòng có liên quan.

+ Ổ khóa cửa không có hãng, hiệu?

+ Dây điện chỉ ghi 01 cuộn; không ghi bao nhiêu mét, loại đồng hay nhôm, dây trần hay bọc nhựa, loại phi bao nhiêu?

+ Ổ cắm có dây không ghi loại bao nhiêu mét?

- Chứng từ số 332/CK ngày 13/01/2021, chuyển mua đồ điện dự phòng 6 tháng cuối năm 2020 = 16,45 triệu đồng:

+ Ổ khóa cửa không có hãng, hiệu?

+ Dây điện chỉ ghi 01 cuộn; không ghi bao nhiêu mét, loại đồng hay nhôm, dây trần hay bọc nhựa, loại phi bao nhiêu?

- Chứng từ số 200/BHYT ngày 23/11/2020, chuyển tiền mua máy vi tính, máy in, mực, USB = 43,13 triệu đồng: Kế hoạch mua, Phiếu yêu cầu báo giá đều không nêu cấu hình, thông số kỹ thuật.

- Chứng từ số 276/CK ngày 15/12/2020, chuyển tiền lắp đặt hệ thống máy lọc nước tự động sử dụng uông trực tiếp = 433 triệu đồng: Kiểm tra hồ sơ mời thầu, nhận thấy hồ sơ mời thầu đưa ra các điều kiện không hợp lý, không cần thiết; các điều kiện này có thể làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, cụ thể như:

+ Điều kiện: *“Nhà thầu phải có trụ sở hoặc văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại một trong 05 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, Kon Tum do nhà nước cấp phép và đang hoạt động....”*. Điều kiện này không phù hợp, bởi lẽ Kon Tum nằm ở cực bắc Tây Nguyên, có khoảng cách giao thông đường bộ với Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng (434km) xa hơn so với các tỉnh như Thừa Thiên Huế (376km), Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, giao thông đi lại các tỉnh này lại rất thuận lợi; vậy tại sao lại ra điều kiện phải có trụ sở hoặc văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ở Tây Nguyên? Hơn nữa, ở các tỉnh, thành phố khác và Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh lại có đường bay đi, đến sân bay Pleiku, thời gian di chuyển tới Kon Tum bằng đường hàng không sẽ nhanh hơn đi đường bộ từ các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng sang Kon Tum?

+ Điều kiện: *“Nhà thầu phải có kho tập kết có diện tích 250m²,... cách địa điểm mời thầu tối đa khoảng 350km,..., nếu thuê thì phải tối thiểu 24 tháng,...”*. Điều này không phù hợp, vì: Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Hồ sơ mời thầu chỉ có 05 ngày, trong khi phải thuê kho 24 tháng; gói thầu chỉ có 10 máy, diện tích chứa cần thiết chưa tới 05m², nhưng lại yêu cầu tới diện tích 250m². Và nếu công ty nào đó có trụ sở tại Lâm Đồng (như điều kiện nêu trên) khi muốn đủ điều kiện thì vẫn phải đi thuê kho ở Đắk Lắk hoặc Gia Lai hoặc Kon Tum?

Tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu quy định: *“Hồ sơ mời thầu phải quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tiêu chuẩn xác định giá đánh giá (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá). Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng”*.

2.5 Kiểm tra công tác đầu tư, sửa chữa tài sản công:

a) Kiểm tra hồ sơ công trình Cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh Phòng khám Đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông:

- Đơn vị đã triển khai công tác lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và được Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 94/QĐ-SYT ngày 26/02/2020.

- Trên cơ sở nhiệm vụ thiết kế, đơn vị thuê tư vấn, tổ chức lập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (TKBVTC), dự toán công trình và Báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT), trình Sở Xây dựng thẩm định TKBVTC và dự toán công trình; trình Sở Kế hoạch - Đầu tư thẩm định phê duyệt BCKTKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 71/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2020 của Sở Kế hoạch - Đầu tư về việc phê duyệt BCKTKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông, với tổng mức đầu tư là 450.000.000 đồng; trong đó, chi chí xây dựng: 392.648.764 đồng; chi phí quản lý dự án: 12.886.732 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 38.420.681 đồng; chi phí khác: 4.792.414 đồng; chi phí dự phòng: 1.251.409 đồng.

- Tổ chức lựa chọn các nhà thầu theo quy định (*Nhà thầu xây dựng, nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu tư vấn giám sát*).

- Triển khai thi công xây dựng công trình, theo dõi giám sát thi công xây dựng công trình và quản lý dự án: Chủ đầu tư lập đầy đủ các hồ sơ về quản lý chất lượng công trình (*Nhật ký thi công công trình; Biên bản bàn giao mặt bằng và định vị công trình; nghiệm thu vật liệu đầu vào; nghiệm thu hoàn thành công việc xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hàng mục công trình; nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình...*) và báo cáo Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, thông báo cho phép đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Về quy trình, đơn vị lập và lưu hồ sơ đảm bảo quy định.

- Hồ sơ thanh toán: Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; Hồ sơ bản vẽ hoàn công; Biên bản nghiệm thu tư vấn lập BCKTKT; Biên bản nghiệm thu tư vấn giám sát và báo cáo giám sát; Biên bản nghiệm thu tư vấn quản lý dự án và báo cáo quản lý dự án, đơn vị lập theo đúng quy định hiện hành.

b) Kiểm tra hồ sơ công trình Giếng khoan Trạm Y tế xã Ngọc Yêu:

- Đơn vị triển khai công tác lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; ngày 26/02/2020, Sở Y tế có Quyết định số 97/QĐ-SYT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trạm Y tế xã Ngọc Yêu; hạng mục: Giếng khoan.

- Nhiệm vụ thiết kế xây dựng: Đơn vị không đủ năng lực về xây dựng nên thuê tư vấn xây dựng nhiệm vụ thiết kế công trình Trạm Y tế xã Ngọc Yêu, hạng mục Giếng khoan; trong quá trình xây dựng, đơn vị tư vấn đã bổ sung thêm hạng mục Giếng khoan và Sân, đường bê tông kết nối.

- Dự toán công trình: Kiểm tra dự toán công trình có 2 nội dung đơn vị tư vấn lập chưa đúng với quy định, cụ thể:

+ Đơn vị tư vấn lập dự toán công trình với tổng dự toán là 450.000.000 đồng, nhưng đơn vị tư vấn cơ cấu mục chi phí dự phòng với số tiền là 54.999.980 đồng (tỷ lệ trên 15%) là không hợp lý với quy định hiện hành của nhà nước. Vì đây là dự án có quy mô nhỏ, có tổng mức đầu tư 450.000.000 đồng; thời gian thực hiện

dự án ngắn và nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản phải hoàn thành trong năm dự toán (*hình thức hợp đồng là Hợp đồng trọn gói, nên không phải tính chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá; chỉ tính chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh theo quy định là 5%*). Theo quy định, tại điểm g, khoản 4, Điều 4, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, có nêu “*Chi phí dự phòng gồm chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án*”. Riêng chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính trên cơ sở độ dài thời gian xây dựng công trình, kế hoạch bố trí vốn và chỉ số giá xây dựng phù hợp với loại công trình xây dựng có tính đến các khả năng biến động giá trong nước và quốc tế.

+ Phần tiền lượng dự toán của hạng mục Giếng khoan và hạng mục Sân, đường bê tông kết nối: Đây là 2 hạng mục công trình riêng lẻ (*về kiến trúc và kết cấu chịu lực*); theo quy định xây dựng dự toán thì đơn vị tư vấn phải tách riêng tiền lượng dự toán cho từng hạng mục.

- Thẩm định TKBVTC và Dự toán công trình: Tại khoản 1, Mục II, Công văn số 359/SXD-CCGD ngày 17/3/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định TKBVTC và Dự toán công trình có nêu Quyết định số 97/QĐ-SYT của Sở Y tế tỉnh Kon Tum phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm Y tế xã Ngọc Yêu; hạng mục Giếng khoan, nhưng tại khoản 3, Mục II, Sở Xây dựng lại thẩm định 02 hạng mục (a) Hạng mục: Giếng khoan, sâu 120m giá trị xây dựng 320.010.576 đồng; (b) Hạng mục: Sân, đường kết nối, diện tích 76m² với số tiền là 31.160.877 đồng (*Sở Xây dựng thẩm định TKBVTC và Dự toán công trình vượt so với chủ trương đầu tư 01 hạng mục công trình*).

- Thẩm định BCKTKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt BCKTKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Trạm Y tế xã Ngọc yêu (*hạng mục giếng khoan*) tại Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2020, với tổng mức đầu tư là 450.000.000 đồng; trong đó, chi chí xây dựng: 351.171.370 đồng; chi phí quản lý dự án: 9.702.865 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 29.378.997 đồng; chi phí khác: 4.746.788 đồng; chi phí dự phòng: 54.999.980 đồng. Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2020, có nêu “*Tên công trình: Trạm Y tế xã Ngọc Yêu (hạng mục: Giếng khoan)*”; khoản 6, Điều Điều 1, Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2020, có nêu “*Nội dung, quy mô đầu tư: Giếng khoan sâu 120m, Sân đường bê tông kết nối với giếng nước 76m²*”. Theo Khoản 7, Điều 4, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, quy định “*Chủ trương đầu tư là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ để lập, trình và phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công*”.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện các bước tiếp theo:

+ Đơn vị tổ chức lựa chọn các nhà thầu theo quy định: Nhà thầu xây dựng, nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu tư vấn giám sát.

+ Triển khai thi công xây dựng công trình, theo dõi giám sát thi công xây dựng công trình và quản lý dự án, Chủ đầu tư lập đầy đủ các hồ sơ về quản lý chất lượng công trình: Nhật ký thi công công trình; Biên bản bàn giao mặt bằng và định

vị công trình; nghiệm thu vật liệu đầu vào; nghiệm thu hoàn thành công việc xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình; nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình... và báo cáo Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, thông báo cho phép đưa công trình vào khai thác sử dụng. Về quy trình, đơn vị lập và lưu hồ sơ đảm bảo quy định.

+ Hồ sơ thanh toán: Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; Hồ sơ bản vẽ hoàn công; Biên bản nghiệm thu tư vấn lập BCKTKT; Biên bản nghiệm thu tư vấn giám sát và báo cáo giám sát; Biên bản nghiệm thu tư vấn quản lý dự án và báo cáo quản lý dự án, đơn vị lập theo đúng quy định hiện hành.

2.6. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

Đơn vị đã thực hiện xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Tuy nhiên, nội dung trong Quy chế chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc lưu trữ hồ sơ tài sản công chưa đầy đủ và chưa có khoa học.

3. Dự toán thu, chi; xác định số chênh lệch thu, chi trong năm; việc chi trả thu nhập tăng thêm; tình hình trích lập và sử dụng các quỹ trong năm:

3.1. Nguồn thu (KCB BHYT, viện phí, phí, lệ phí, dịch vụ):

- Số năm trước chuyển sang:	2.921.232.595 đồng;
- Số thu trong năm:	7.489.118.588 đồng;
- Tổng số được sử dụng trong năm:	10.410.351.183 đồng;
- Tổng số chi chấp nhận quyết toán:	7.846.371.920 đồng;
- Số tồn chuyển năm sau:	2.563.979.263 đồng.

3.2. Nguồn ngân sách nhà nước giao:

- Số dư năm trước chuyển sang:	365.910.074 đồng;
- Dự toán giao trong năm:	19.804.103.000 đồng;
- Dự toán được sử dụng trong năm:	20.170.013.074 đồng;
- Dự toán chi chấp nhận quyết toán:	19.540.961.999 đồng;
- Dự toán không sử dụng (hủy dự toán):	511.664.075 đồng;
- Dự toán tồn chuyển sang năm sau:	117.387.000 đồng.
* Tổng số dư đầu năm:	3.287.142.769 đồng.
* Tổng thu trong năm:	27.293.221.588 đồng.
* Tổng số được sử dụng trong năm:	30.880.364.357 đồng.
* Tổng số chi quyết toán trong năm:	27.387.333.919 đồng.
* Tồn chuyển san năm sau:	2.680.366.263 đồng.

(Tồn chuyển sang năm sau, trong đó tồn tiền gửi tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng 1.337.654.760 đồng).

3.3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a) Nguồn sự nghiệp Y tế:

- Loại 130 khoản 131 (*Hoạt động y tế dự phòng*): Dự toán năm trước chuyển sang 8.468.682 đồng; Dự toán giao: 11.752.398.000 đồng; thực hiện quyết toán 11.403.325.007 đồng; tồn dự toán tại KBNN được phép chuyển nguồn sang năm sau 117.387.000 đồng (*kinh phí thực hiện cấp sau ngày 30/9*); hủy dự toán 240.154.675 đồng. Thực hiện đạt 96,96% so với dự toán được giao.

- Loại 130 khoản 132 (*Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh*): Dự toán giao 5.981.205.000 đồng; thực hiện quyết toán 5.981.205.000 đồng; dự toán tồn kho bạc nhà nước: 0 đồng. Thực hiện đạt 100% so với dự toán được giao.

- Loại 130 khoản 151 (*Y tế - Dân số*): Dự toán năm trước chuyển sang 357.441.392 đồng; Dự toán giao 1.865.000.000 đồng; thực hiện quyết toán 2.026.931.992 đồng; tồn hủy dự toán 195.509.400 đồng. Thực hiện đạt 91,2% so với dự toán giao.

b) Nguồn Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số:

- Loại 130 khoản 131 (*chương trình mục tiêu y tế*): Dự toán giao 16.500.000 đồng; thực hiện quyết toán 16.500.000 đồng. Thực hiện đạt 100% so với dự toán giao.

- Loại 130 khoản 134 (*vệ sinh an toàn thực phẩm*): Dự toán giao 60.000.000 đồng; thực hiện quyết toán: 0 đồng; tồn hủy dự toán 60.000.000 đồng. Thực hiện đạt 0% so với dự toán giao.

- Loại 130 khoản 151 (*Dân số*): Dự toán giao 129.000.000 đồng; thực hiện quyết toán 113.000.000 đồng; tồn hủy dự toán 16.000.000 đồng. Thực hiện đạt 87,6 % so với dự toán giao.

c) Đối với nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị:

- Đánh giá số thu hoạt động sự nghiệp (*KCB BHYT, viện phí, thu hoạt động khác...*): dự toán thu của đơn vị xây dựng năm 2020 là 11.670.000.000 đồng. Theo số liệu báo cáo quyết toán thu trong năm với số tiền 7.489.118.588 đồng; trong đó, Nguồn BHXH quyết toán năm 2020 với số tiền: 7.215.187.063 đồng (*trong đó quý IV/2020 là kinh phí của đơn vị đề nghị quyết toán với cơ quan BHXH; nguồn viện phí nhân dân, ... số tiền: 240.860.811 đồng và nguồn thu dịch vụ y tế khác với số tiền: 33.070.714 đồng*). Dự toán thu trong năm 2020 đạt 64,17% so với dự toán thu xây dựng từ đầu năm.

d) Nguyên nhân chênh lệch giảm nguồn thu so với số báo cáo quyết toán: Nguồn KCB BHYT tăng với số tiền là 33.356.846 đồng. Lý do: Bảo hiểm xã hội thẩm định bổ sung các quý trước và nguồn thu cùng chi trả thống kê thiếu số thu.

đ) Tình hình thực hiện nguồn thu sự nghiệp:

- Tình hình thực hiện nguồn thu sự nghiệp: Số năm trước chuyển sang 2.921.232.595 đồng; thu trong năm 7.489.118.588 đồng; thực hiện quyết toán trong năm 7.846.371.920 đồng; còn chuyển sang năm sau 2.563.979.263 đồng.

- Trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020: Tổng thu sự nghiệp 7.489.118.588 đồng; nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng; thực hiện trích 35% nguồn cải cách tiền lương là 540.490.038 đồng.

3.4. Chi trả thu nhập tăng thêm; tình hình trích lập và sử dụng các quỹ trong năm:

- Chi trả thu nhập tăng thêm: 178.243.561 đồng (đơn vị sử dụng quỹ bổ sung thu nhập để lại của năm 2019 để chi trả thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động trong năm 2020).

- Trích nguồn CCTL: 26.000.000 đồng.

- Trích lập các Quỹ: 0 đồng (Quỹ khen thưởng: 0 đồng; quỹ phúc lợi: 0 đồng; quỹ bổ sung thu nhập: 0 đồng; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng).

C. KẾT LUẬN

I. Việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động thanh tra của Thủ trưởng đơn vị

1. Ưu điểm:

Đơn vị đã xây dựng, ban hành các quyết định, kế hoạch triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; công tác thanh tra của Thủ trưởng đơn vị; thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù có xây dựng và ban hành các văn bản triển khai về công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng kết quả thực hiện về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa cao (cụ thể, theo báo cáo kết quả triển khai thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020, số liệu kết quả thực hành tiết kiệm trong năm báo cáo: Bằng không); năm 2020, đơn vị chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức tại đơn vị.

II. Về quản lý, sử dụng kinh phí

1. Ưu điểm:

- Xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định. Đa số các nội dung quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định của nhà nước; quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu của đơn vị.

- Mở sổ kế toán đầy đủ (sổ tổng hợp và các sổ chi tiết) theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kịp thời; công tác khóa sổ kế toán cuối năm được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật kế toán; tổ chức kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ; thuốc vật tư y tế...; tiền mặt; đối chiếu số dư tồn quỹ tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, tại các Ngân hàng; đối chiếu công nợ phải thu, nợ phải trả.

- Về báo cáo quyết toán năm, đơn vị đã lập đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; đơn vị tổng hợp và nộp Báo cáo quyết toán đúng thời gian yêu cầu của Sở Y tế.

- Tổ chức tự kiểm tra sử dụng việc chi ngân sách nhà nước năm 2020, công tác kế toán tại đơn vị theo quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tồn tại, hạn chế:

2.1. Quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ vẫn còn nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể: Tại điểm 5.20, khoản 5, Điều 7 về chi đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đơn vị thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính là không phù hợp, vì Thông tư số 139/2010/TT-BTC hết hiệu lực từ ngày 15/6/2018 và được thay thế bằng Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2.2. Việc thực hiện một số nội dung chi thường xuyên:

Một số hồ sơ còn thiếu một số chứng từ, như: Giấy đề xuất; Kế hoạch mua sắm; Phiếu nhập, xuất kho; Chứng từ số 41/CK-NCT ngày 21/4/2020 (*In sổ khám SK NCT, tờ rời*), Hợp đồng kinh tế không nêu quy cách hàng hóa, chất liệu giấy của tờ rời.

2.3. Về việc mua, quản lý, sử dụng thuốc, vật tư, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm:

Trong năm, đơn vị tổ chức nhiều gói thầu mua sắm, nhưng chỉ gửi lấy thông tin giá của 3 nhà cung cấp ngoài tỉnh; trong khi đó, tại Kon Tum cũng có doanh nghiệp cung ứng mặt hàng này nhưng đơn vị không lấy thông tin giá. Việc này không đúng với quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trong số 03 công ty mà đơn vị gửi lấy thông tin giá, có Công ty TNHH Thiết bị y tế MEGA Đà Nẵng, ngành nghề kinh doanh trong bản Công bố nội dung đăng ký thành lập mới, tại Mục 5 (*ngành, nghề kinh doanh*) không có bán buôn, bán lẻ vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm. Việc này đã làm giảm đi các thông tin hợp pháp để đơn vị có thể lựa chọn được đơn vị được phép kinh doanh các mặt hàng cần mua, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và có giá thấp nhất.

2.4. Mua sắm trang thiết bị làm việc, công cụ, dụng cụ và các hàng hóa khác:

- Một số chứng từ mua sắm trang thiết bị làm việc, công cụ, dụng cụ và các hàng hóa khác, hồ sơ chứng từ mua sắm không nêu rõ cấu hình, thông số kỹ thuật của thiết bị, chất liệu, quy cách, hãng, hiệu của hàng hóa để làm cơ sở xác định giá, ký hợp đồng kinh tế và nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Chứng từ in ấn hồ sơ bệnh án, hồ sơ chứng từ không nêu chất lượng, quy cách giấy dùng để in; chứng từ nhập kho, xuất kho thực hiện trong cùng 01 ngày và xuất cho một cá nhân nhân là không hợp lý; chứng từ xuất kho không có danh sách ký nhận của một số khoa, phòng.

- Việc mua sữa bồi dưỡng bằng hiện vật: Quy định về bồi dưỡng bằng hiện vật phải được thực hiện hàng ngày đối với những người làm việc trong môi trường độc hại. Tuy nhiên, việc mua sữa và cấp cho người được thu hưởng tại đơn vị

không đúng về thời gian giữa việc mua và cấp cho đối tượng được thụ hưởng theo chế độ quy định.

- Hồ sơ chứng từ thanh toán lắp đặt hệ thống máy lọc nước tự động sử dụng uống trực tiếp: Hồ sơ mời thầu đưa ra các điều kiện không hợp lý, không cần thiết; các điều kiện này có thể làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

2.5. Về công tác đầu tư, sửa chữa, quản lý, sử dụng tài sản công:

- Đơn vị triển khai thực hiện chưa đúng quy mô đầu tư tại Quyết định số 97/QĐ-SYT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm Y tế xã Ngọc Yêu, hạng mục Giếng khoan; đơn vị đã bổ sung hạng mục Sân, đường bê tông (*tuy nhiên, hạng mục này đã được Sở Xây dựng thẩm định TKBVTC và Dự toán công trình; Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trong hồ sơ thẩm định và phê duyệt có 2 hạng mục công trình*).

- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: Nội dung trong quy chế chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc lưu trữ hồ sơ tài sản công chưa đầy đủ và chưa có khoa học.

2.6. Về sổ sách kế toán và hạch toán kế toán:

- Về mở sổ kế toán: Thủ quỹ không mở Sổ quỹ tiền mặt để theo dõi số tiền thu, chi, tồn quỹ hàng ngày; cuối ngày không cộng khóa sổ, đối chiếu và xác nhận giữa kế toán và thủ quỹ theo quy định hiện hành. Nội dung này, đơn vị thực hiện không đúng quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 5, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Sổ quỹ tiền mặt phải thực hiện khóa sổ vào cuối mỗi ngày. Sau khi khóa sổ phải thực hiện đối chiếu giữa sổ tiền mặt của kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ và tiền mặt có trong két đảm bảo chính xác, khớp đúng. Riêng ngày cuối tháng phải lập Bản kiểm kê quỹ tiền mặt, sau khi kiểm kê, Bản kiểm kê quỹ tiền mặt được lưu cùng với sổ kế toán tiền mặt ngày cuối cùng của tháng*”.

- Về hạch toán kế toán: Đơn vị chưa thực hiện đầy đủ việc hạch toán xuất tạm ứng thuốc, vật tư hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm và một số công cụ cho các khoa phòng và các trạm y tế xã trên tài khoản 15, theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Kiến nghị các biện pháp xử lý

1. Tổ chức kiểm điểm, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1.1. Việc xây dựng và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Điều 25 và 26 Luật Phòng, chống tham nhũng.

1.2. Việc xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

1.3. Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức mua thuốc, vật tư, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm; trang thiết bị, công cụ, dụng cụ và các hàng hóa khác.

1.4. Việc thực hiện các quy định về mở sổ kế toán và hạch toán kế toán.

1.5. Rút kinh nghiệm và không để xảy ra thiếu sót tương tự trong quá trình sử dụng ngân sách nhà nước giao cho việc đầu tư, sửa chữa tài sản công tại đơn vị.

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định tại Điều 7, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

II. Tổ chức thực hiện

Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông chịu trách nhiệm hoàn thành các nội dung kiến nghị về biện pháp xử lý nêu trên và báo cáo kết quả cụ thể từng nội dung về Sở Y tế trước ngày 31/01/2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TTYT huyện Tu Mơ Rông;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTrS.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh